

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM K
TỈNH QUẢNG N**

Bản án số: 60/2020/HS-ST

Ngày 16-6-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM K - TỈNH QUẢNG N**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thông.

2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N T hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HS ngày 27-5-2020 đối với các bị cáo:

1. **Trần Hữu T**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Trà Long, xã Tam Ng, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V N; con ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Kim Y; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995 và có 02 con sinh năm 2016 và năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 28-5-2012, bị Công an thành phố Tam K xử phạt vi phạm hành chính số hình thức Cảnh cáo về hành vi Xúi giục người khác đánh nhau.

Ngày 15-8-2017, bị Ủy ban nhân dân phường Điện Ngọc, thị xã Điện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác, đã nộp phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

2. **Trần Văn N**, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đông Yên, xã Tam Ngh, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V N; con ông Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Th; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10-4-2018, bị Công an huyện Núi Th xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi Say rượu bia gây mất trật tự công cộng, đã nộp phạt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thanh Gi, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Quý Ngọc, xã Tam Ph, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:* Nguyễn Lê Viết T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 2, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng N, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Ngọc Quý, xã Tam Phú, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

+ Chị Trần Huyền M, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Tân Phú, xã Tam Phú, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

- *Người chứng kiến:* Bà Võ Thị Kim Y, sinh năm 1970, trú tại: Thôn 2, xã Tam Ngọc, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh Gi có nợ của Trần Hữu T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nhiều lần T đòi nợ nhưng Gi không trả. Ngày 15-11-2019, sau khi thấy Gi đang đi ăn tại quán bánh kẹp trên đường Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Tam K, bị cáo Trần Hữu T cùng đi với Trần Văn N và Nguyễn Lê Viết T, T đã kể lại sự việc trên cho bị cáo Trần Văn N nghe (lúc này có Nguyễn Lê Viết T đang ngồi cùng T và N nhưng không nghe nội dung sự việc). Sau đó, T và N đi lại quán bánh kẹp, N có hành vi dùng tay nắm cổ áo Gi để giữ Gi và đánh vào vùng mặt, vùng ngực của Gi gây thương tích nhiều vị trí trên mặt. T cùng N nắm tay, giữ vai và kéo Gi đi qua hẻm gần đó để nói chuyện. Do sợ bị đánh nên Nguyễn Thanh Gi gọi điện thoại cho cha ruột là ông Nguyễn Thanh V mang tiền đến trả cho T. Khi Nguyễn Thanh Gi gọi điện xong thì T gọi chiếc Taxi và buộc Nguyễn Thanh Gi phải đi cùng lên nhà T, trên xe, T và N cùng ngồi ghế sau để giữ Gi, T ngồi ghế phía trước. Biết được sự việc trên, ông Nguyễn Thanh V đã báo Công an thành phố Tam K giải quyết.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTK ngày 06-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K truy tố bị cáo Trần Hữu T và Trần Văn N về tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), tuyên bố các bị cáo T, bị cáo N phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Ngày 15-11-2019, tại phường An Mỹ, thành phố Tam K, bị cáo Trần Hữu T cùng Trần Văn N có hành vi dùng vũ lực bắt, giữ Nguyễn Thanh Gi. Trong đó, bị cáo N có hành vi dùng tay nắm cổ áo Gi để giữ Gi cho T đánh vào vùng mặt, vùng ngực của Gi gây thương tích nhiều vị trí trên mặt. Bị cáo T cùng N nắm tay, giữ vai để buộc Gi phải đi theo các bị cáo đến nhiều địa điểm mục đích để hỏi và đòi tiền nợ.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, cùng văn bản pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi trên của các bị cáo Trần Hữu T và Trần Văn N đủ yếu tố cấu thành tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), như

bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Nguyên nhân của sự việc xuất phát từ việc bị hại nợ tiền bị cáo T thời gian dài không trả khiến bị cáo T bức xúc. Hành vi của các bị cáo T, N là bóc lột, không có sự cầu kết, bàn bạc hay phân công nhiệm vụ từ trước nên hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người giữ vai trò chính, khởi xướng, lôi kéo bị cáo N cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo N có vai trò giúp sức tích cực; các bị cáo đều từng bị xử phạt vi phạm hành chính về nhiều hành vi. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do của người khác nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với từng vai trò, nhân thân để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội, trong đó bị cáo T phải chịu mức án cao hơn bị cáo N là phù hợp.

Trong quá trình tố tụng, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, hành vi có tính chất ít nghiêm trọng, đều có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao các bị cáo về cho địa phương quản lý giáo dục cũng đủ sức răn đe đồng thời để các bị cáo có cơ hội khắc phục, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích.

[2.3] *Trách nhiệm dân sự, vấn đề liên quan khác:*

Bị hại bị thương tích trầy xước ngoài da ở vùng mặt nhưng không yêu cầu giám định thương tích, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

Nguyễn Lê Viết T không biết việc T, N thống nhất với nhau giữ Gi để đòi tiền nợ. Các bị cáo T, N đều thừa nhận không có rủ T tham gia bắt giữ Gi để đòi nợ. Bị hại anh Gi cũng thừa nhận trong suốt quá trình diễn ra sự việc thì T không tham gia hay có bất cứ hành động nào liên quan đến hành vi bắt, giữ Gi. Không có căn cứ xác định Nguyễn Lê Viết T cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với các bị cáo T, N do bản thân T không biết rõ sự việc, không cùng tham gia bắt, giữ bị hại nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

[2.4] *Về án phí:* Các bị cáo Trần Hữu T, Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo T, N; Bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Hữu T, Trần Văn N** phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16-6-2020).

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16-6-2020).

Giao bị cáo Trần Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã Tam Ng, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Tam Ngh, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Buộc các bị cáo Trần Hữu T, Trần Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo).

Nội nhận:

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND TP. Tam K;
- VKDND tỉnh Quảng N;
- Công an TP. Tam K;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS TP. Tam K;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

